

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2025/HC-PT

Ngày: 11/02/2025.

V/v khiếu kiện quyết định xử phạt  
vi phạm hành chính và hành vi  
hành chính trong lĩnh vực quản lý  
đất đai.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Lê Tự**

ông **Trần Đức Kiên**

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Trần Xuân Lộc**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 420/TLPT-HC ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 192/2024/HC-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 343/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** ông **Lê Văn H**

Địa chỉ: **thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông **Võ Đình S**; địa chỉ: **số A đường S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk** (văn bản ủy quyền ngày 24/4/2024). Có mặt.

2. **Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk : ông Nguyễn Thiên V; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 5353/QUQ-UBND ngày 18/6/2024). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk : ông Lê Minh Đ, Phó Giám đốc Sở T và ông Hồ Đức V1, chuyên viên Phòng Quản lý đất đai - Sở T. Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã E: ông Đinh Hữu Q; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền số 02/UQ-UBND ngày 10/6/2024). Vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** người khởi kiện ông Lê Văn H và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk .

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\* Theo đơn khởi kiện, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: thửa đất số 42, 59, tờ bản đồ số 84, diện tích 12.628,9m<sup>2</sup> thuộc thôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk có nguồn gốc do Nhà nước giao cho Liên hiệp Lâm nông công nghiệp Ea Súp thuộc tiểu khu B do Lâm trường Rừng xanh quản lý sử dụng trước năm 1993. Năm 1993, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho phép Liên hiệp Lâm nông công nghiệp Ea Súp khai hoang, phục hóa một số diện tích đất rừng nghèo trên vùng đất thung lũng trống không có khả năng khai thác rừng sản xuất để chuyển đổi sang đất trồng cây lương thực (chủ yếu là trồng lúa).

Ngày 12/3/1994, Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E (bên A) ký Hợp đồng liên kết sản xuất nông sản với ông Nguyễn Văn S1 (bên B) - ông S1 đại diện cho nhóm hộ dân liên kết sản xuất trồng lúa, lúc này người phụ trách lực lượng lao động tại chỗ là ông Phan Văn H1 (hiện nay cả ông S1 và ông H1 đều đã chết). Các bên có ký Hợp đồng liên kết sản xuất nông sản số 258 ngày 12/3/1994 để liên kết sản xuất nông sản. Từ thời điểm năm 1994 đến nay các hộ dân vẫn sử dụng đất để trồng lúa trong đó có hộ gia đình ông Lê Văn N (là bố của ông Lê Văn H), các hộ dân sử dụng đất ổn định, liên tục và lâu dài từ năm 1994 đến khoảng năm 2006 - 2007 thì ông N giao lại cho ông H tiếp tục sử dụng đến nay.

Ngày 10/4/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-UBND để xử phạt với ông Lê Văn H về hình vi: chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn với diện tích 12.628,9m<sup>2</sup> đất, tại thửa đất số 42, 59, tờ bản đồ số 84 thuộc khu vực thôn E, xã E, huyện E. Hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105.000.000đồng. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện: buộc ông Lê Văn H khôi phục lại tình

trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn chiếm cho UBND xã E, huyện E để quản lý theo quy định và buộc ông Lê Văn H phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm, với số tiền 10.584.029 đồng. Xét thấy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 là vi phạm quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Thứ nhất: ông Lê Văn H không có hành vi lấn chiếm đất, ông H sử dụng đất theo hợp đồng vào năm 1993 nên đã khai hoang rừng nghèo để trồng lúa. Tại thời điểm ông S1, ông H1 đại diện các hộ dân ký hợp đồng liên kết với Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E, sau đó ông H sử dụng đất để trồng lúa thì Ủy ban nhân dân huyện E và Ủy ban nhân dân xã E đều biết rõ nguồn gốc đất và có xác nhận điều kiện sản xuất của nhóm hộ gia đình liên kết sản xuất. Cho nên vào năm 1994, diện tích đất tại Tiểu khu B (trong đó có thửa đất số 42, 59, tờ bản đồ số 84 hiện nay) đã được các cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép khai hoang và chuyển mục đích sử dụng từ đất lâm nghiệp sang đất trồng lúa chứ không phải là đất chưa sử dụng.

Thứ hai: thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết vì theo quy định của pháp luật thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm về đất đai. Tuy nhiên, khi ông Lê Văn N (cha của ông Lê Văn H) sử dụng đất thì chính quyền địa phương đã biết nhưng không có ý kiến gì.

Thứ ba: vào thời điểm năm 1997, Nhà nước đã tiến hành đo đạc để lập bản đồ giải thửa và bản đồ địa chính đối với một số hộ dân tại khu vực tiểu khu B cũ, sau đó đến năm 1998 thì một số hộ dân đã được lập bản đồ giải thửa, bản đồ địa chính được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm này ông Lê Văn H chưa được lập bản đồ giải thửa nên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, một số hộ dân được lập bản đồ giải thửa và tiếp tục được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hộ ông Hoàng Văn B, Hoàng Văn S2...). Do đó, từ năm 2001 đến năm 2005, Nhà nước đã có chủ trương, kế hoạch giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp trong khu vực 59 ha thuộc tiểu khu B cũ này.

Ngoài ra, ông H đã nhiều lần liên hệ với Ủy ban nhân dân xã E để tiến hành đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 42, 59, tờ bản đồ số 84. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã K thực hiện việc lập hồ sơ cấp đất theo quy định của pháp luật. Do đó, ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk .

- Buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Lê Văn H theo quy định.

\* Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là ông Nguyễn Thiên V trình bày:

1. Nguồn gốc và diễn biến quá trình sử dụng đất:

Diện tích 5.015 ha đất tại các Tiểu khu: 195, 203, 204, 219, 220, 221, 229, 230, 233, 234 có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi của Lâm trường Rừng Xanh giao cho Ủy ban nhân dân huyện E quản lý tại Quyết định số 2871/QĐ-UB ngày 30/10/2002, trong đó có: Tiểu khu 195 (708ha) và 203 (225,5ha) thuộc địa giới hành chính xã E. Ngày 15/01/2003, Ủy ban nhân dân huyện E đã bàn giao lại toàn bộ diện tích đất 935,5 ha đất tại Tiểu khu A và Tiểu khu B cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý (trong đó có phần diện tích đất hiện nay ông Lê Văn H đang chiếm sử dụng). Diện tích 12.628,9m<sup>2</sup> đất ông Lê Văn H đang chiếm sử dụng thuộc tiểu khu B, xã E, huyện E thuộc một phần diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện E giao cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý.

2. Việc xử lý vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn H:

Ngày 12/3/2024, Ủy ban nhân dân xã E, huyện E tiến hành kiểm tra hiện trạng và lập Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC đối với ông Lê Văn H về hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn, với diện tích 12.628,9m<sup>2</sup> đất, tại các thửa đất số 42, 59, tờ bản đồ số 84 thuộc khu vực thôn E, xã E, huyện E, vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 13/3/2024, Ủy ban nhân dân xã E có Công văn số 44/UBND-ĐC về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở T để xử lý theo thẩm quyền.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân xã E tại Công văn số 44/UBND-ĐC ngày 13/3/2024 và ý kiến của Sở T tại Công văn số 1135/STNMT-TTra ngày 10/4/2024; căn cứ quy định tại Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1114/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn H, với các hình thức xử phạt như sau:

- Hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105 triệu đồng (áp dụng mức trung bình của khung tiền phạt).

- Biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E để quản lý; đồng thời, buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm, với số tiền 10.584.029 đồng.

Việc Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1114/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn H là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện

của ông **Lê Văn H** và giữ nguyên Quyết định số 1114/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **Lê Văn H**.

*\* Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân xã E trình bày:*

Về nguồn gốc đất đối với diện tích đất mà ông **Lê Văn H** có hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn như sau:

- Ngày 30/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2871/QĐ-UB Về việc thu hồi quyền sử dụng đất 5.015 ha đất của Lâm trường Rừng Xanh giao cho Ủy ban nhân dân huyện E quản lý tại các Tiểu khu: 195, 203, 204, 219, 220, 221, 229, 230, 233, 234, trong đó Tiểu khu A (708ha) và 203 (225,5ha) thuộc địa giới hành chính xã E.

- Ngày 15/01/2003, Ủy ban nhân dân huyện E đã bàn giao lại toàn bộ diện tích đất 935,5 ha tại Tiểu khu A và Tiểu khu B cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý, sử dụng. Toàn bộ diện tích đất mà ông **Lê Văn H** có hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn thuộc vào Tiểu khu B, đất do Ủy ban nhân dân xã E quản lý.

Qua kiểm tra đối chiếu hồ sơ địa chính (tờ bản đồ giải thửa số 04, sổ Mục kê, sổ Địa chính) đã được thành lập năm 1997-1998 thì toàn bộ diện tích đất mà ông **Lê Văn H** có hành vi chiếm đất tại các thửa đất số 42, 59, tờ bản đồ địa chính số 84 hiện nay thuộc tờ bản đồ số 04, xã E được đo đạc năm 1998. Người sử dụng đất đã được thể hiện trong sổ Mục kê, sổ Địa chính là Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Khi lập Biên bản vi phạm hành chính số 11/BB-VPHC đối với ông **Lê Văn H** về hành vi lấn chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn với diện tích 12.628,9m<sup>2</sup>, Ủy ban nhân dân xã C vào kết quả đo đạc hiện trạng do chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E đo đạc với tổng diện tích 12.628,9m<sup>2</sup> tại các thửa 42, 59, tờ bản đồ số 84.

- Đối với nội dung: buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện đầy đủ thủ tục kê khai, đăng ký về đất đai để UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Lê Văn H**: căn cứ quy định tại Điều 95, Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 102 của Luật Đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất có đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành thì được cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính tại xã E: ông **Lê Văn N** (bố ông **Lê Văn H**), sau đó là ông **Lê Văn H** không có hồ sơ kê khai đăng ký đất đai thửa đất số 42, 59 tờ bản đồ số 84. Tại sổ mục kê, sổ địa chính thì người sử dụng đất là Ủy ban nhân dân xã E.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 192/2024/HC-ST ngày 23/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 2 Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính; điểm

c khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022); khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn H** về việc: hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch **UBND tỉnh Đắk Lắk** đối với hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105.000.000đồng.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn H** về việc:

- Hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk** về biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm cho **Ủy ban nhân dân xã E, huyện E** để quản lý; đồng thời buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm, với số tiền 10.584.029đồng.

- Buộc **Ủy ban nhân dân xã E** thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để **Ủy ban nhân dân huyện E** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông **Lê Văn H** theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2024, người khởi kiện ông **Lê Văn H** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về biện pháp khắc phục hậu quả và buộc **Ủy ban nhân dân xã E** thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để **UBND huyện E** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông.

Ngày 16/10/2024, người bị kiện Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk** kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Không đồng ý việc tuyên hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 của Chủ tịch **UBND tỉnh Đắk Lắk** đối với hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105.000.000đồng. Đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện là ông **Võ Đình S** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện ông **Lê Văn H** và bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk là ông Nguyễn Thiên V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người bị kiện Ủy ban nhân dân xã E, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đều vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính tiến hành xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, quyết định tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn H và người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Ngày 12/3/1994, giữa ông Nguyễn Văn S1 (là người đại diện cho nhóm hộ dân liên kết sản xuất nông sản) và Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E ký Hợp đồng liên kết sản xuất nông sản (trồng lúa) số 258/KH với diện tích 700ha thuộc các khu vực: Lâm trường Rừng Xanh gồm: 500ha, Lâm trường E gồm: 100ha, Lâm trường EaHMơ gồm 100ha trên vùng đất thung lũng trồng có khả năng sản xuất. Ông Lê Văn N (là cha của ông Lê Văn H) được phân chia đất thuộc Tiểu khu B, xã E do Lâm trường R quản lý để trồng lúa. Đến năm 2006 - 2007, ông N giao lại cho ông H tiếp tục sử dụng. Ngày 30/10/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số 2871/QĐ-UB về việc thu hồi quyền sử dụng đất 5.015ha đất của Lâm trường Rừng Xanh (thuộc Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E) giao cho Ủy ban nhân dân huyện E quản lý tại các Tiểu khu: 195, 203, 204, 219, 220, 221, 229, 230, 233, 234, trong đó Tiểu khu A (708ha) và Tiểu khu B (225,5ha) thuộc địa giới hành chính xã E. Ngày 15/01/2003, Ủy ban nhân dân huyện E đã bàn giao lại toàn bộ diện tích đất 935,5ha tại Tiểu khu A và Tiểu khu B cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý, sử dụng. Như vậy, diện tích đất mà ông Nguyễn Văn S1 ký Hợp đồng liên kết với Liên hiệp Lâm nông công nghiệp E (trong đó có phần diện tích ông Lê Văn H sử dụng) đã bị thu hồi vào năm 2002 và hiện do Ủy ban nhân dân xã E quản lý. Việc ông Lê Văn H tự ý sử dụng diện tích 12.628,9m<sup>2</sup> đất trồng lúa tại khu vực nông thôn thuộc các thửa đất số 42, 59, tờ bản đồ số 84, thôn E, xã E (trước đây là Tiểu khu B) khi chưa được Ủy ban nhân dân xã E cho phép là hành vi chiếm đất nông nghiệp là đất trồng lúa, quy định tại điểm e khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Do đó, Ủy ban nhân dân xã E lập Biên bản vi phạm hành chính và chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét thời hiệu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì thấy: tại Biên bản làm việc ngày 11/3/2024 và Biên bản vi phạm hành chính

số 11/BB-VPHC ngày 12/3/2024 đều xác định thời điểm ông **Lê Văn H** chiếm đất là năm 2008. Như vậy, từ năm 2008 Ủy ban nhân dân xã E đã phát hiện ra hành vi lấn chiếm đất của ông **Lê Văn H** nhưng không lập biên bản vi phạm hành chính mà đến ngày 12/3/2024 Ủy ban nhân dân xã E mới lập Biên bản vi phạm hành chính về hành vi chiếm đất của ông **H** và đến ngày 10/4/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-XPHC đối với ông **H** là đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6; khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ và vi phạm điểm c khoản 1 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2020. Việc Ủy ban nhân dân xã E cho rằng thời điểm phát hiện vi phạm là ngày 11/3/2024, là không đúng. Do đó, nội dung kháng cáo này của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về biện pháp khắc phục hậu quả: mặc dù thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết nhưng người có thẩm quyền vẫn phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính là đúng quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc ông **Lê Văn H** khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý theo quy định là đúng quy định của pháp luật. Mặc dù Biên bản làm việc ngày 11/3/2024 và Biên bản vi phạm hành chính ngày 12/3/2024 xác định thời điểm ông **H** chiếm đất là năm 2008. Tuy nhiên, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 05/01/2020 nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xác định số năm vi phạm được tính từ ngày 05/01/2020 đến ngày phát hiện vi phạm là ngày 11/3/2024, là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 04/2022/NĐ-CP). Như vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như đã nêu trên, đồng thời buộc ông **H** nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp 10.584.029 đồng là phù hợp quy định tại Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; các điểm a, b, d khoản 3 Điều 5 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP của Chính phủ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông **H**.

[2.4] Đối với nội dung kháng cáo của ông **Lê Văn H** về việc buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông theo quy định, Hội đồng xét xử thấy: ông **H** cho rằng đã nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân xã E để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã E không tiếp nhận và không xem xét, giải quyết cho ông, tuy nhiên, ông **H** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là đã nộp hồ sơ. Mặt khác, tại công văn số 147/UBND-ĐC ngày 07/8/2024 của Ủy ban nhân dân xã E xác định: Ủy ban nhân dân xã E không nhận được hồ sơ kê khai đăng ký các thửa đất số 42, 59, tờ bản đồ số 84 của ông **Lê Văn N** cũng như ông **Lê Văn H**.



Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông H.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu Toà án huỷ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-XPHC ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105.000.000đồng, đồng thời xử bác yêu cầu khởi kiện của ông H đối với yêu cầu huỷ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114 nêu trên về biện pháp khắc phục hậu quả và yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông theo quy định, là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và bác kháng cáo của ông Lê Văn H như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Do nội dung kháng cáo của ông Lê Văn H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk không được chấp nhận nên ông Lê Văn H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn H và bác kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 192/2024/HC-ST ngày 23/9/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 28, điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022); khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H về việc yêu cầu Toà án giải quyết: huỷ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần

hình thức xử phạt chính: phạt tiền 105.000.000đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng).

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Văn H** về việc yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1114/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện E để quản lý và buộc ông **Lê Văn H** nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm số tiền 10.584.029đồng (mười triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn không trăm hai mươi chín đồng).

- Buộc Ủy ban nhân dân xã E thực hiện việc lập thủ tục kê khai, đăng ký đất đai để Ủy ban nhân dân huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông **Lê Văn H** theo quy định.

3. Về án phí: ông **Lê Văn H** và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk - mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0014099 ngày 14/10/2024 (do ông **Võ Đình S** nộp thay) và số 0014156 ngày 25/10/2024 (do bà **Nguyễn Thị Hoàng Y** nộp thay) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**\* Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký  
**Trần Thị Kim Liên**